

CHƯƠNG TRÌNH 2 HỖ TRỢ THỰC PHẨM DO SIÊU VI CORONA



USDA hỗ trợ quan trọng cho người trồng trọt và chăn nuôi của quốc gia qua Chương Trình 2 Hỗ Trợ Thực Phẩm do Siêu Vi Corona (Coronavirus Food Assistance Program 2, hay CFAP 2). CFAP 2 hỗ trợ tài chính quan trọng cho những người sản xuất nông nghiệp, tiếp tục bị khó khăn do gián đoạn thị trường và các chi phí liên quan do COVID-19.

Tổng Quát

USDA sẽ bắt đầu thêm hỗ trợ tài chính cho người trồng trọt, người chăn nuôi và người sản xuất bị ảnh hưởng do gián đoạn thị trường vì COVID-19 qua sáng kiến Hỗ Trợ Đại Dịch cho Người Sản Xuất.

Thời hạn nộp đơn xin CFAP 2 đợt đầu kết thúc vào ngày 11 tháng Mười Hai, 2020. USDA đã mở lại thời gian ghi danh CFAP 2, bắt đầu từ ngày **5 tháng Tư, 2021**, trong **ít nhất 60 ngày**. Thời hạn ghi danh sẽ được thông báo vào ngày sau đó.

Ái Đủ Tiêu Chuẩn?

Những người sản xuất (cá nhân hoặc pháp nhân) mặt hàng nông sản cụ thể bị gián đoạn thị trường liên tục và tổn chi phí bán hàng đáng kể sẽ đủ điều kiện được tiền trả CFAP 2.

Để đủ điều kiện được tiền trả, một cá nhân hoặc pháp nhân phải:

- có tổng lợi tức đã điều chỉnh trung bình thấp hơn \$900,000 cho các năm thuế 2016, 2017, và 2018; hoặc
- kiếm được ít nhất 75 phần trăm tổng lợi tức điều chỉnh của họ từ hoạt động trồng trọt, chăn nuôi hoặc liên quan đến lâm nghiệp.

Cá nhân và pháp nhân cũng phải:

- sản xuất thương mại hàng hóa đủ điều kiện;
 - hoạt động canh tác vào thời điểm nộp đơn;
 - tuân theo điều khoản của quy định "Bảo Tồn Đất Ngập Nước và Đất có Nguy Cơ Xói Mòn Cao", thường được gọi là các điều khoản về tuân theo bảo tồn;
 - nếu một người ngoại quốc, cung cấp đất đai, vốn và lao động cá nhân hiện dụng cho hoạt động canh tác; và
 - không vi phạm quy định về chất được kiểm soát.
- Hàng hóa được trồng theo hợp đồng trong đó người trồng trọt sở hữu và chịu rủi ro sản xuất thì sẽ đủ điều kiện được CFAP 2.

Hàng Hóa Đủ Điều Kiện

Tiền trả CFAP 2 sẽ được chia thành ba nhóm hàng hóa:

1. Hàng hóa kích giá;
2. Cây trồng đồng giá; và
3. Hàng hóa bán được

Hàng Hóa Kích Giá

Hàng hóa kích giá đã bị giảm giá từ 5% trở lên so với giá trung bình của tuần từ ngày 13 đến ngày 17 tháng Giêng, 2020 và giá trung bình của tuần từ ngày 27 đến ngày 31 tháng Bảy, 2020. Hàng hóa kích giá bao gồm:

- Barley
- Corn
- Sorghum
- Soybeans
- Sunflowers
- Bông ở vùng đất cao
- Lúa mì (tất cả các loại)
- Broilers
- Trứng
- Beef Cattle
- Sữa

- Hogs and Pigs
- Cừu non và cừu

Cây Trồng Đồng Giá

Cây trồng đồng giá là cây trồng không đáp ứng được yếu tố kích giá giảm 5% hoặc không có dữ liệu có sẵn để tính thay đổi về giá cả. Cây trồng đồng giá bao gồm nhưng không giới hạn:

- | | |
|-------------------------|--------------------|
| • Cỏ linh lăng | • Lúa mì Khorasan |
| • Hạt dền | • Mù tạt (mustard) |
| • Kiều mạch | • Yến mạch |
| • Cải dầu | • Đậu phộng |
| • Bông sợi siêu dài | • Hạt diêm mạch |
| • Cải Crambe (Colewort) | • Hạt cải dầu |
| • Lúa mì Einkorn | • Hoa rum |
| • Lúa mì Mmmer | • Mè |
| • Cây gai | • Speltz |
| • Guar | • Mía đường |
| • Cây gai dầu | • Củ cải đường |
| • Bột lá chàm (indigo) | • Gạo nếp |
| • Gạo công nghiệp | • Teff |
| • Cây Kenaf | • Triticale |
| • Cây kê | • Lúa hoang |

Hàng hóa bán

Hàng hóa bán được bao gồm:

- Trái cây và rau củ
- Nuôi trồng thủy sản trong môi trường được kiểm soát;
- Vườn ươm cây trồng và trồng hoa; Vật nuôi khác (không bao gồm con giống) không được gộp trong nhóm hàng hóa kích giá, được nuôi để thực phẩm, sợi, lông hoặc lông vũ;
- Thuốc lá;
- Sữa dê;
- Tắm da (gồm cả lông trên da);
- Mohair (vải nỉ);
- Gà mái tơ
- Cỏ tranh;
- Len; và
- Hàng hóa khác.

Hãy vào mạng lưới farm.gov/cfap để có danh sách tất cả hàng hóa đủ điều kiện.



Hàng Hóa theo Hợp Đồng với Người Sản Xuất

Hàng hóa đủ điều kiện dành riêng cho người sản xuất theo hợp đồng bao gồm:

- | | |
|-------------|-------------------------|
| • Broilers | • Gà tây |
| • Gà mái tơ | • Trứng gà |
| • Gà mái đẻ | • Heo thiến và heo thịt |

Hàng Hóa Không Đủ Tiêu Chuẩn

Cỏ khô, ngoại trừ cỏ linh lăng, và cây trồng dùng để chăn thả gia súc không đủ điều kiện được CFAP 2 và sẽ không được CFAP 2 tiền trả. Những cây trồng dùng làm phân xanh và những cây trồng còn sót lại cũng không đủ tiêu chuẩn.

Hàng hóa không đủ điều kiện được CFAP 2 bao gồm, nhưng không giới hạn:

- | | |
|---|--|
| • Birdsfoot và Trefoil | • Lespedeza (loài cây có hoa thuộc họ đậu) |
| • Cỏ ba lá | • Cây bông tai (Milkweed) |
| • Cây trồng có bảo hiểm | • Hỗn hợp thức ăn cho gia súc |
| • Đất bỏ hoang | • Pelt (excluding mink) |
| • Cao lương làm thức ăn gia súc | • Đậu phộng lâu năm |
| • Đậu nành làm thức ăn gia súc | • Pollinators (những loài giúp cây thụ phấn) |
| • Vườn (vườn thương mại và vườn nhà) | • Cây gai dầu |
| • Cỏ | • Hạt của cây trồng không đủ điều kiện |
| • Cỏ đổi màu (Kochia), cỏ mọc (prostrata) | • Đậu tằm |

Chi Trả

Quỹ CCC sẽ được sử dụng để bù đắp một phần cho những người sản xuất tiếp tục bị gián đoạn thị trường và hỗ trợ chuyển tiếp sang một hệ thống bán hàng có trật tự hơn. Quỹ theo Đạo Luật Điều Lệ của CCC không được sử dụng để hỗ trợ thuốc lá; tuy nhiên, thuốc lá sẽ đủ điều kiện được CFAP 2 từ tiền quỹ còn lại nếu được cho phép theo Đạo Luật CARES.

Cây Trồng Kích Giá

Đối với lúa mạch, bắp, cao lương, đậu nành, hoa hướng dương, bông ở vùng đất cao và lúa mì (tất cả các loại), tiền trả sẽ dựa trên mẫu đất cây trồng đủ điều kiện năm 2020, như đã báo cáo cho FSA trên mẫu FSA-578, không bao gồm mẫu đất không thể trồng cây và đất thử nghiệm.

Tiền trả cho cây trồng kích giá sẽ là số tiền nào lớn hơn giữa:

1. mẫu Anh đủ điều kiện nhận với tỷ lệ tiền trả là \$15 mỗi mẫu Anh; hoặc
2. mẫu đất đủ điều kiện nhận với phần trăm tiếp thị cây trồng trên toàn quốc, nhân với tỷ lệ tiền trả cho từng loại cây trồng cụ thể và rồi nhân với sản lượng được phê duyệt theo Tiểu Sử Sản Xuất Thực Tế (APH) năm 2020 của người sản xuất. Nếu không có sản APH thì sẽ sử dụng 100 phần trăm sản lượng tiêu chuẩn cho Bảo Hiểm Rủi Ro Nông Nghiệp - Tùy Chọn của Quận (Agriculture Risk Coverage-County Option, hay ARC- CO) năm 2019 cho cây trồng này.

TỶ LỆ TIỀN TRẢ CHO MÙA MÀNG KÍCH GIÁ			
HÀNG HÓA	ĐƠN VỊ ĐO LƯỜNG	PHẦN TRĂM TIẾP THỊ CÂY TRỒNG (%)	GIÁ TIỀN TRẢ (\$/ĐƠN VỊ)
Bartley	giạ	63	\$0.54
Bắp	giạ	40	\$0.58
Bông, vùng cao	cân Anh	46	\$0.08
Sorghum	giạ	55	\$0.56
Đậu nành	cân Anh	54	\$0.58
Bông hướng dương	cân Anh	44	\$0.02
Lúa mì (Tất cả các loại)	giạ	73	\$0.54

Gà Thịt và Trứng

Đối với gà thịt, tiền trả sẽ bằng 75 phần trăm sản lượng gà thịt năm 2019 của người sản xuất nhân với tỷ lệ tiền trả là \$1.01 cho mỗi con (đầu con).

Tiền trả cho trứng sẽ bằng 75 phần trăm sản lượng trứng năm 2019 của người sản xuất nhân với tỷ lệ tiền trả của CCC.

TỶ LỆ TIỀN TRẢ CHO MÙA MÀNG KÍCH GIÁ		
HÀNG HÓA	ĐƠN VỊ ĐO LƯỜNG	GIÁ TIỀN TRẢ (\$/ĐƠN VỊ)
Trứng còn vỏ	tá	0.05
Trứng lỏng	Cân Anh	0.04
Trứng khô	Cân Anh	0.14
Trứng đông lạnh	Cân Anh	0.05

SỮA

Tiền trả cho sữa (sữa bò) sẽ bằng tổng những số tiền sau đây:

- Tổng sản lượng sữa thực tế của người sản xuất từ ngày 1 tháng Tư, 2020 đến ngày 31 tháng Tám, 2020, nhân với tỷ lệ tiền trả là \$1.20 cho mỗi trăm cân; và
- Sản lượng sữa ước tính của người sản xuất từ ngày 1 tháng Chín, 2020 đến ngày 31 tháng Mười Hai, 2020, nhân với tỷ lệ tiền trả là \$1.20 cho mỗi trăm cân. FSA sẽ ước tính sản lượng này dựa trên sản xuất trung bình hàng ngày của người sản xuất từ ngày 1 tháng Tư đến ngày 31 tháng Tám, 2020, nhân với số ngày sữa được bán ra thị trường từ ngày 1 tháng Chín, 2020 đến hết ngày 31 tháng Mười Hai, 2020.

Cơ sở hoạt động kinh doanh sữa ghi danh CFAP 2 phải sản xuất và bán sữa ra thị trường tại thời điểm nộp đơn xin. Cơ sở hoạt động kinh doanh sữa giải thể hoặc đã giải thể vào hoặc sau ngày 1 tháng Chín, 2020, đủ điều kiện được trả tiền theo tỷ lệ cho số ngày sữa được bán ra thị trường từ ngày 1 tháng Chín, 2020 đến hết ngày 31 tháng Mười Hai, 2020.

Vật Nuôi Kích Giá

Đối với vật nuôi kích giá, tiền trả dựa trên số lượng vật nuôi cố định, là số thấp hơn giữa:

- số lượng tối đa của vật nuôi đủ điều kiện còn lại, không bao gồm con giống, vào ngày do người sản xuất đủ điều kiện chọn ra, từ ngày 16 tháng Tư, 2020 đến hết ngày 31 tháng Tám, 2020; hoặc
- số lượng vật nuôi tối đa mỗi loại do USDA quy định.

TỶ LỆ TIỀN TRẢ CHO VẬT NUÔI KÍCH GIÁ		
HÀNG HÓA	ĐƠN VỊ ĐO LƯỜNG	GIÁ TIỀN TRẢ (\$/ĐƠN VỊ)
Bò	con	\$55
Heo	con	\$23
Cừu	con	\$27

Tiền Trả Thêm theo CFAP 1 cho Người Chăn Nuôi Gia Súc

Đạo Luật Phân Chia Ngân Sách (Consolidated Appropriations Act) năm 2021 thêm hỗ trợ CFAP cho những người chăn nuôi gia súc. Tiền trả này tương đương với số lượng gia súc còn lại từ ngày 16 tháng Tư, 2020 đến ngày 14 tháng Năm, 2020. Những người chăn nuôi gia súc có đơn xin CFAP 1 được phê duyệt sẽ tự động được những tiền trả này.

Sẽ sử dụng tỷ lệ tiền trả sau đây:

HÀNG HÓA ĐỦ ĐIỀU KIỆN	TỶ LỆ TIỀN TRẢ
Gia súc chăn nuôi: dưới 600 cân Anh	\$7/con
Gia súc chăn nuôi: 600 cân Anh trở lên	\$25.50/con
Gia súc giết mổ: Gia súc xuất chuồng	\$63.00/con
Gia súc giết mổ: Gia súc trưởng thành	\$14.75/con
Tất cả gia súc khác	\$17.25/con

Cây Trồng Đồng Giá

Đối với cây trồng đồng giá, tiền trả sẽ được tính bằng cách nhân phần lợi ích của người sản xuất trong mẫu đất trồng được báo cáo hoặc xác định năm 2020, không bao gồm mẫu đất không thể trồng trọt và đất thử nghiệm, với \$15 mỗi mẫu Anh.

Hàng hóa bán

Đối với hàng hóa bán được, tiền trả sẽ được tính bằng cách dựa trên doanh thu với năm mức tiền trả liên quan đến doanh số bán hàng năm 2019 của người sản xuất cùng với tiền bồi thường bảo hiểm cây trồng, Chương Trình Hỗ Trợ Thảm Họa cho Cây Trồng Không có Bảo Hiểm (Noninsured Crop Disaster Assistance Program) và Chương Trình Bồi Thường do Cháy Rừng và Lốc Xoáy (Wildfire and Hurricane Indemnity Program) cộng với tiền trả cho niên vụ 2019.



TỶ LỆ TIỀN TRẢ CHO HÀNG HÓA BÁN

KHOẢNG DOANH THU NĂM 2019	HỆ SỐ PHẦN TRĂM TIỀN TRẢ
Đến \$49,999	10.6
\$50,000-\$99,999	9.9
\$100,000-\$499,999	9.7
\$500,000-\$999,999	9.0
Tất cả doanh thu trên 1 triệu đô la	8.8

Thí dụ: Tổng doanh thu bán hàng đủ điều kiện trong năm 2019 của một người sản xuất là \$75,000. Tiền trả được tính bằng (\$49,999 nhân với 10.6%) cộng với (\$25,001 nhân với 9.9%) bằng tổng số tiền trả là \$7,775.

Tính Tiền Trả cho Người Sản Xuất theo Hợp Đồng:

- Doanh thu** đủ điều kiện nhận từ ngày 1 tháng Giêng, 2019 đến ngày 27 tháng Mười Hai, 2019
- **Doanh thu đủ điều kiện** nhận từ ngày 1 tháng Giêng, 2020 đến ngày 27 tháng Mười Hai, 2020

Chênh Lệch Doanh Thu Đủ Điều Kiện X 80%

Tiền Trả Thêm cho Người Sản Xuất Cây Trồng Theo Hàng

Đạo Luật Phân Chia Ngân Sách năm 2021 cung cấp thêm hỗ trợ CFAP cho những người sản xuất cây trồng kích giá và đồng giá. Tiền trả này tương đương với mẫu đất trồng đủ điều kiện nhân với tỷ lệ tiền trả là \$20 cho mỗi mẫu đất đủ điều kiện. FSA sẽ tự động trả tiền cho người sản xuất đủ điều kiện theo mẫu đất đủ điều kiện có trong đơn xin CFAP 2 của họ. Những người sản xuất đủ điều kiện đã nộp đơn xin CFAP 2 không cần phải nộp đơn xin mới để được tiền trả này.

Người Sản Xuất Mới năm 2020

Không thể tính tiền trả bằng các phương pháp mô tả ở trên cho những người sản xuất gà thịt, trứng và các mặt hàng bán được, những người bắt đầu chăn nuôi vào năm 2020 và không có sản lượng hoặc doanh số bán hàng năm 2019.

Tiền trả cho những người sản xuất này sẽ dựa trên sản lượng hoặc doanh thu bán hàng thực tế năm 2020 vào ngày người sản xuất nộp đơn xin tiền trả.

Giới Hạn Tiền Trả

Tiền trả CFAP 2 phải tuân theo giới hạn tiền trả cho mỗi cá nhân và pháp nhân là \$250,000. Giới hạn này áp dụng cho tổng số tiền trả CFAP 2 cho tất cả hàng hóa đủ điều kiện.

Không giống như những chương trình FSA khác, quy tắc giới hạn tiền trả đặc biệt áp dụng cho những người tham gia là tập đoàn, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh hữu hạn (thực thể công ty), quỹ tín thác và bất động sản. Những pháp nhân này có thể nhận tối đa \$750,000 dựa trên số lượng thành viên (không vượt quá ba thành viên), mỗi người đóng góp ít nhất 400 giờ lao động cá nhân hiện dụng hoặc quản lý cá nhân hiện dụng.

Đối với pháp nhân:

- Với một thành viên, giới hạn tiền trả cho pháp nhân là \$250,000;
- Với hai thành viên, giới hạn tiền trả cho pháp nhân là \$500,000 nếu ít nhất hai thành viên đóng góp ít nhất 400 giờ lao động cá nhân hiện dụng hoặc quản lý cá nhân hiện dụng, hoặc kết hợp, liên quan đến hoạt động của thực thể doanh nghiệp; và
- Với ba thành viên, giới hạn tiền trả là \$750,000 nếu ít nhất ba thành viên đóng góp ít nhất 400 giờ lao động cá nhân hiện dụng hoặc quản lý cá nhân hiện dụng hoặc kết hợp, đối với hoạt động của thực thể doanh nghiệp.

Giới hạn tiền trả CFAP 2 tách riêng với giới hạn tiền trả CFAP 1.

Do được hỗ trợ thêm cho những người sản xuất cây trồng theo hàng và gia súc, người nộp đơn xin CFAP là một công ty, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh hữu hạn, quỹ tín thác hoặc di sản sẽ được tăng giới hạn tiền trả thêm \$250,000 cho những thành viên của một tổ chức đóng góp ít nhất 400 giờ quản lý lao động cá nhân hiện dụng, không vượt quá tối đa ba thành viên. Đại diện được ủy quyền của một pháp nhân phải liên lạc với nhân viên FSA địa phương của họ để sửa đổi CFAP 1 đã nộp trước đó hoặc đơn xin CFAP 2.

**Nộp Đơn Ở Đâu**

Nhân viên FSA tại Trung Tâm Dịch Vụ USDA địa phương của quý vị sẽ phối hợp với người sản xuất để nộp đơn xin. Đơn có thể được nộp qua thư, điện thoại (fax), gửi trực tiếp hoặc theo cách điện tử. Xin gọi văn phòng của quý vị trước khi gửi đơn xin theo cách điện tử.

Đơn xin CFAP 2 và các mẫu liên quan có sẵn trực tuyến tại farm.gov/cfap.

Gọi Ai để Được Giúp Đỡ

Ngoài ra, người sản xuất nào muốn được hỗ trợ trực tiếp để nộp đơn CFAP 2 có thể gọi trung tâm liên lạc của chúng tôi theo số **877-508-8364** để nói chuyện trực tiếp với nhân viên USDA sẵn sàng hỗ trợ.

Thông Tin Thêm

Từ thông tin này chỉ để cho biết thông tin; có thể áp dụng những hạn chế khác. Để biết thêm thông tin về chương trình CFAP, vào mạng lưới farmers.gov/cfap hoặc liên lạc với văn phòng FSA ở địa phương. Vào farmers.gov/service-locator để tìm văn phòng FSA của quý vị.